

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỶ KHANG

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN THU
QUỸ PCTT NĂM 2026 XÃ KỶ KHANG

Stt	Đối tượng nộp quỹ PCTT	Số LĐ phải thu	Tổng thu	Số đã nộp	Còn nợ	Ghi chú
I. XÃ KỶ KHANG		63	3.350.000	3.350.000		
1	Khối UBND xã	38	2.021.000	2.021.000	-	
2	Khối Đảng	18	957.000	957.000	-	
3	Khối MTTQ	7	372.000	372.000	-	
II. KHỐI CÁC TRƯỜNG HỌC		351	17.243.000	17.181.000	62.000	
1	Trường mầm non Kỷ Khang	48	2.553.000	2.491.000	62.000	
2	Trường mầm non Kỳ Thọ	20	1.064.000	1.064.000	-	
3	Trường mầm non Kỳ Thụ	25	1.329.000	1.329.000	-	
4	Trường Tiểu Học Kỳ Khang 1	33	1.755.000	1.755.000	-	
5	Trường Tiểu Học Kỳ Khang 2	28	1.489.000	1.489.000	-	
6	Trường Tiểu Học Kỳ Thọ	23	1.223.000	1.223.000	-	
7	Trường Tiểu Học Kỳ Thụ	32	1.440.000	1.440.000	-	
8	Trường THCS Kỳ Khang	42	1.890.000	1.890.000	-	
9	Trường THCS Thụ Thọ	49	2.205.000	2.205.000	-	
10	Trường PTTH Nguyễn Thị Bích Châu	51	2.295.000	2.295.000	-	
III. TRẠM Y TẾ		24	1.277.000	1.277.000	-	
	Trạm y tế xã Kỳ Khang	24	1.277.000	1.277.000	-	
IV. CÁC DOANH NGHIỆP		19	17.493.000	8.249.500	9.243.500	
V. NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DN		336	23.904.000	12.379.000	11.525.000	
VI. CÁC THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ		10.460	104.600.000	88.880.000	15.720.000	
1	Trung Tân	729	7.290.000	7.070.000	220.000	
2	Trung Tiến	891	8.910.000	8.700.000	210.000	
3	Sơn Hải	718	7.180.000	7.180.000	-	
4	Tiến Thành	439	4.390.000	4.270.000	120.000	
5	Đồng Tiến	537	5.370.000	5.370.000	-	
6	Vĩnh Phú	424	4.240.000	4.190.000	50.000	
7	Vĩnh Long	458	4.580.000	4.500.000	80.000	

8	Đậu Giang	328	3.280.000	1.750.000	1.530.000	
9	Phú Thượng	545	5.450.000	4.750.000	700.000	
10	Hoàng Dụ	741	7.410.000	5.000.000	2.410.000	
11	Quảng Ích	641	6.410.000	5.020.000	1.390.000	
12	Tân Sơn	283	2.830.000	2.340.000	490.000	
13	Tân Thợ	385	3.850.000	3.290.000	560.000	
14	Sơn Tây	298	2.980.000	2.900.000	80.000	
15	Sơn Nam	236	2.360.000	2.300.000	60.000	
16	Sơn Bắc	280	2.800.000	2.220.000	580.000	
17	Vĩnh Thợ	388	3.880.000	3.120.000	760.000	
18	Hòa Bình	285	2.850.000	2.530.000	320.000	
19	Liên Miệu	262	2.620.000	2.420.000	200.000	
20	Đan Trung	282	2.820.000	1.960.000	860.000	
21	Trung Giang	381	3.810.000	2.750.000	1.060.000	
22	Thanh Hòa	548	5.480.000	5.250.000	230.000	
23	Trường Thanh	381	3.810.000	-	3.810.000	thôn chưa thực hiện thu nộp
	TỔNG		167.867.000	131.316.500	15.720.000	